

Bản án số: 980/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo

2. Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Cao Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 273/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Phú Đ – sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: đường H, Phường A, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Đường B, phường X, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thùy T – sinh năm 1971

Địa chỉ: đường H, Phường A, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trần Thị Thùy T vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 20/3/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Đặng Phú Đ trình bày: Ông và bà Trần Thị Thùy T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2001 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 65; Quyền số: 01/2001 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 07/6/2001). Quá trình chung sống không hạnh phúc do không hợp ý nhau, từ năm 2006 đến nay vợ chồng đã ly thân, nay tình cảm đã hết, đời sống chung không thể kéo dài nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T để ổn định cuộc sống.

Về con chung : Có 01 con chung tên Đặng Phú V – sinh ngày 24/10/2001. Sau khi ly hôn ông giao cháu V cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, hàng tháng ông cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho Bị đơn bà Trần Thị Thùy T để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Trần Thị Thùy T đều vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn bà Trần Thị Thùy T vắng mặt.

Nguyên đơn ông Đặng Phú Đ trình bày: Ông yêu cầu được ly hôn với bà T vì quá trình chung sống hai bên không tìm được tiếng nói chung, từ năm 2006 đến nay đã ly thân. Từ khi ly thân cháu V ở với bà T nên ông giao cháu V cho bà T nuôi, hàng tháng ông cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ, ông và bà T không có tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, cụ thể:

Về hôn nhân: Ông Đặng Phú Đ được ly hôn bà Trần Thị Thùy T.

Về con chung: Giao trẻ Đặng Phú V – sinh ngày 24/10/2001 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Đặng Phú Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Thùy T có nơi cư trú tại số: đường H, Phường A, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh của Công an Phường A, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì: “Bà Trần Thị Thùy T, sinh năm 1971, HKTT: đường H, Phường A, quận C và hiện cư trú tại đây”.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Đ thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh tình trạng cư trú của Bị đơn nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Đặng Phú Đ có mặt. Bị đơn bà Trần Thị Thùy T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt (Biên bản tổng đạt Giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 27/7/2017 để tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 15/8/2017 và biên bản tổng đạt Giấy triệu tập, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 22/8/2017 để tham gia phiên tòa lần thứ hai vào ngày 07/9/2017) nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về hôn nhân:

Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số: 65; Quyền số: 01/2001 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 07/6/2001 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà T là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà T vì quá trình chung sống không hạnh phúc, từ năm 2006 đến nay vợ chồng đã ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, bà T đã không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án để giải quyết yêu cầu của ông Đ chứng tỏ bà T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các bên là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đ để các bên cùng ổn định cuộc sống.

[5] Về con chung:

Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số: 01; Quyền số 01/2002 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/01/2002 thì cháu Đặng Phú V – sinh ngày 24/10/2001 là con chung của ông Đặng Phú Đ và bà Trần Thị Thùy T.

Ông Đ yêu cầu giao con cháu V cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu V ở với bà T từ năm 2006 đến nay nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu V cho bà T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên để ổn định sinh hoạt, học hành của cháu V và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu V là được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con:

Ông Đ đề nghị cấp dưỡng nuôi cháu V 2.000.000đ/tháng, do bà T vắng mặt nên không có ý kiến gì về đề nghị của ông Đ trong việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của ông Đ và buộc ông Đ phải cấp dưỡng nuôi cháu V 2.000.000đ/tháng.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ trình bày không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ điểm a Khoản 5; điểm a Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5; điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – ông Đặng Phú Đ.

a. Về hôn nhân: Ông Đặng Phú Đ được ly hôn bà Trần Thị Thùy T.

b. Về con chung: Giao con chung là cháu Đặng Phú V – sinh ngày 24/10/2001 cho bà Trần Thị Thùy T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Hàng tháng ông Đặng Phú Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Phú V 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thực hiện từ tháng 9/2017 cho đến khi cháu Đặng Phú V thành niên.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Về án phí:

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Đặng Phú Đ chịu, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Đặng Phú Đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2016/0012408 ngày 31/3/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Đặng Phú Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

3/ Trường hợp ông Đặng Phú Đ chậm trả tiền cấp dưỡng thì ông Đặng Phú Đ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5/ Về quyền kháng cáo: Ông Đặng Phú Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị Thùy T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương